

BÁO CÁO SĨ SỐ SINH VIÊN TOÀN TRƯỜNG

(Tính đến ngày 01/10/2025)

STT	Hệ đào tạo	Ngành	Tên lớp	Hiện tại	Ghi chú
Khoa Điện - Điện tử				1.474	
2018				1	
1	Cao đẳng - 2,5N	Điện công nghiệp	18C1-ĐCN2	1	BGH duyệt gia hạn thời gian đào tạo đến tháng 8/2026 do hoàn thành NVQS
2019				3	
1	Trung cấp - 3N (GDNN)	Điện công nghiệp	19T4-ĐCN1	1	BGH duyệt gia hạn thời gian đào tạo đến tháng 6/2027 do hoàn thành NVQS
2	Trung cấp - 3N (GDNN)	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	19T4-ĐĐT1	1	BGH duyệt gia hạn thời gian đào tạo đến tháng 6/2027 do hoàn thành NVQS
3	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	19C1-TĐH1	1	BGH duyệt gia hạn thời gian đào tạo đến tháng 8/2027 do hoàn thành NVQS
2020				146	
1	Trung cấp - 3N (GDNN)	Cơ điện tử	20T4-CĐT1	16	Nợ môn
2	Trung cấp - 3N (GDNN)	Điện công nghiệp	20T4-ĐCN1	24	Nợ môn
3	Trung cấp - 3N (GDNN)	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	20T4-ĐĐT1	9	Nợ môn
4	Trung cấp - 3N (GDNN)	Công nghệ kỹ thuật điều khiển tự động	20T4-TĐH1	11	Nợ môn
5	Cao đẳng - 2,5N	Cơ điện tử	20C1-CĐT1	17	Nợ môn
6	Cao đẳng - 2,5N	Điện công nghiệp	20C1-ĐCN1	9	Nợ môn
7	Cao đẳng - 2,5N	Điện công nghiệp	20C1-ĐCN2	14	Nợ môn
8	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	20C1-ĐĐT1	11	Nợ môn
9	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	20C1-ĐĐT2	6	Nợ môn
10	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	20C1-TĐH1	7	Nợ môn
11	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	20C1-TĐH2	9	Nợ môn
12	Cao đẳng - CLC	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	20C3-ĐĐT1	2	Nợ môn
13	Cao đẳng - CLC song hành Vinfast	Cơ điện tử	20C5-CĐT1	3	Nợ môn
14	Cao đẳng - CLC TTTN Nhật	Cơ điện tử	20C6-CĐT1	8	Nợ môn
2021				116	
1	Trung cấp - 1N3	Điện công nghiệp	21T2-ĐCN1	6	Nợ môn
2	Trung cấp - 3N (GDNN)	Cơ điện tử	21T4-CĐT1	11	Nợ môn
3	Trung cấp - 3N (GDNN)	Điện công nghiệp	21T4-ĐCN1	21	Nợ môn
4	Trung cấp - 3N (GDNN)	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	21T4-ĐĐT1	21	Nợ môn
5	Trung cấp - 3N (GDNN)	Công nghệ kỹ thuật điều khiển tự động	21T4-TĐH1	4	Nợ môn
6	Cao đẳng - 2,5N	Cơ điện tử	21C1-CĐT1	5	Nợ môn
7	Cao đẳng - 2,5N	Điện công nghiệp	21C1-ĐCN1	12	Nợ môn
8	Cao đẳng - 2,5N	Điện công nghiệp	21C1-ĐCN2	11	Nợ môn



STT	Hệ đào tạo	Ngành	Tên lớp	Hiện tại	Ghi chú
9	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	21C1-ĐĐT1	9	Nợ môn
10	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	21C1-TĐH1	7	Nợ môn
11	Cao đẳng - CLC	Cơ điện tử	21C3-CĐT1	3	Nợ môn
12	Cao đẳng - CLC song hành Vinfast	Cơ điện tử	21C5-CĐT1	4	Nợ môn
13	Cao đẳng - LKQT	Điện công nghiệp	21C7-ĐCN1	2	Nợ môn
2022				177	
1	Trung cấp - 3N (GDNN)	Cơ điện tử	22T4-CĐT1	23	Nợ môn
2	Trung cấp - 3N (GDNN)	Điện công nghiệp	22T4-ĐCN1	21	Nợ môn
3	Trung cấp - 3N (GDNN)	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	22T4-ĐĐT1	23	Nợ môn
4	Trung cấp - 3N (GDNN)	Công nghệ kỹ thuật điều khiển tự động	22T4-TĐH1	9	Nợ môn
5	Cao đẳng - 2,5N	Cơ điện tử	22C1-CĐT1	19	Nợ môn
6	Cao đẳng - 2,5N	Điện công nghiệp	22C1-ĐCN1	19	Nợ môn
7	Cao đẳng - 2,5N	Điện công nghiệp	22C1-ĐCN2	11	Nợ môn
8	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	22C1-ĐĐT1	19	Nợ môn
9	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	22C1-TĐH1	13	Nợ môn
10	Cao đẳng - LT	Cơ điện tử	22C2B-CĐT1	5	Nợ môn
11	Cao đẳng - LT	Điện công nghiệp	22C2B-ĐCN1	13	Nợ môn
12	Cao đẳng - LT	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	22C2B-ĐĐT1	2	Nợ môn
2023				336	
1	Trung cấp - 3N (GDTX)	Điện công nghiệp	23T3-ĐCN1BP	17	TT GDTX Bình Phước
2	Trung cấp - 3N (GDTX)	Điện công nghiệp	23T3-ĐCN1DH	57	TTGDTX Duyên Hải - TV
3	Trung cấp - 3N (GDNN)	Cơ điện tử	23T4-CĐT1	21	
4	Trung cấp - 3N (GDNN)	Điện công nghiệp	23T4-ĐCN1	31	
5	Trung cấp - 3N (GDNN)	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	23T4-ĐĐT1	29	
6	Cao đẳng - 2,5N	Cơ điện tử	23C1-CĐT1	15	
7	Cao đẳng - 2,5N	Điện công nghiệp	23C1-ĐCN1	47	
8	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	23C1-ĐĐT1	32	
9	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	23C1-TĐH1	22	
10	Cao đẳng - LT	Cơ điện tử	23C2-CĐT1	15	Nợ môn
11	Cao đẳng - LT	Điện công nghiệp	23C2-ĐCN1	21	Nợ môn
12	Cao đẳng - LT	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	23C2-ĐĐT1	12	Nợ môn
13	Cao đẳng - LT	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	23C2-TĐH1	13	Nợ môn
14	Cao đẳng - Song hành Doanh nghiệp	Điện công nghiệp	23C8-ĐCN1	4	
2024				291	
1	Trung cấp - 3N (GDNN)	Cơ điện tử	24T4-CĐT1	20	
2	Trung cấp - 3N (GDNN)	Điện công nghiệp	24T4-ĐCN1	26	
3	Trung cấp - 3N (GDNN)	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	24T4-ĐĐT1	27	
4	Trung cấp - 3N (GDNN)	Điện công nghiệp	24T4-ĐTC1	2	
5	Trung cấp - 3N (GDNN)	Công nghệ kỹ thuật điều khiển tự động	24T4-TĐH1	10	
6	Cao đẳng - 2,5N	Cơ điện tử	24C1-CĐT1	18	
7	Cao đẳng - 2,5N	Điện công nghiệp	24C1-ĐCN1	39	

STT	Hệ đào tạo	Ngành	Tên lớp	Hiện tại	Ghi chú
8	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	24C1-ĐĐT1	34	
9	Cao đẳng - LT	Cơ điện tử	24C2-CĐT1	26	
10	Cao đẳng - LT	Điện công nghiệp	24C2-ĐCN1	31	
11	Cao đẳng - LT	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	24C2-ĐĐT1	35	
12	Cao đẳng - LT	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	24C2-TĐH1	13	
13	Cao đẳng - Song hành Doanh nghiệp	Điện công nghiệp	24C8-ĐCN1	10	
2025				404	
1	Trung cấp - 3N (GDNN)	Điện công nghiệp	25T4-ĐCN1	42	
2	Trung cấp - 3N (GDNN)	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	25T4-ĐĐT1	32	
3	Cao đẳng - 2,5N	Điện công nghiệp	25C1-ĐCN1	58	
4	Cao đẳng - 2,5N	Điện công nghiệp	25C1-ĐCN2	47	
5	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	25C1-ĐĐT1	55	
6	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	25C1-ĐĐT2	40	
7	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	25C1-TĐH1	50	
8	Cao đẳng - LT	Điện công nghiệp	25C2-ĐCN1	27	
9	Cao đẳng - LT	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	25C2-ĐĐT1	9	
10	Cao đẳng - LT	Điện công nghiệp	25C2-ĐTC1	12	
11	Cao đẳng - LT	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	25C2-TĐH1	11	
12	Cao đẳng - Song hành Doanh nghiệp	Điện công nghiệp	25C8-ĐCN1	17	
13	Cao đẳng - Song hành Doanh nghiệp	Điện công nghiệp.	25C8-ĐCN2	4	
Khoa Cơ khí				1.189	
2018				2	
1	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	18C1-CCK4	1	Ban Giám hiệu duyệt gia hạn thời gian đào tạo đến tháng 8/2026 do đi NVQS
2	Cao đẳng - 2,5N	Cắt gọt kim loại	18C1-CKL1	1	Ban Giám hiệu duyệt được gia hạn thời gian đào tạo đến tháng 8/2026 do đi NVQS
2019				3	
1	Cao đẳng - 2,5N	Bảo trì hệ thống thiết bị công nghiệp	19C1-BCN1	1	Ban Giám hiệu duyệt gia hạn thời gian đào tạo đến tháng 8/2027 do hoàn thành NVQS
2	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	19C1-CCK2	1	Ban Giám hiệu duyệt gia hạn thời gian đào tạo đến tháng 8/2027 do hoàn thành NVQS
3	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	19C1-CCK4	1	Ban Giám hiệu duyệt gia hạn thời gian đào tạo đến tháng 8/2027 do hoàn thành NVQS
2020				127	
1	Trung cấp - 3N (GDNN)	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	20T4-CCK1	11	Nợ môn
2	Trung cấp - 3N (GDNN)	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	20T4-CCK2	13	Nợ môn
3	Trung cấp - 3N (GDNN)	Cơ khí chế tạo	20T4-CKC1	24	Nợ môn
4	Trung cấp - 3N (GDNN)	Cắt gọt kim loại	20T4-CKL1	3	Nợ môn
5	Cao đẳng - 2,5N	Bảo trì hệ thống thiết bị công nghiệp	20C1-BCN1	6	Nợ môn
6	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	20C1-CCK1	7	Nợ môn

STT	Hệ đào tạo	Ngành	Tên lớp	Hiện tại	Ghi chú
7	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	20C1-CCK2	3	Nợ môn
8	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	20C1-CCK3	12	Nợ môn
9	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	20C1-CCK4	9	Nợ môn
10	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	20C1-CCK5	5	Nợ môn
11	Cao đẳng - 2,5N	Cắt gọt kim loại	20C1-CKL1	2	Nợ môn
12	Cao đẳng - 2,5N	Chế tạo khuôn mẫu	20C1-CTK1	4	Nợ môn
13	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ chế tạo máy	20C1-CTM1	9	Nợ môn
14	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ chế tạo máy	20C1-CTM2	6	Nợ môn
15	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ chế tạo máy	20C1-CTM3	3	Nợ môn
16	Cao đẳng - LT	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	20C2-CCK1	1	Ban Giám hiệu duyệt học lại ngày 08/4/2025 (giã hạn thời gian đào tạo đến hết tháng 10/2025)
17	Cao đẳng - CLC	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	20C3-CCK1	7	Nợ môn
18	Cao đẳng - CLC	Công nghệ chế tạo máy	20C3-CTM1	2	Nợ môn
2021				87	
1	Trung cấp - 3N (GDNN)	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	21T4-CCK1	11	Nợ môn
2	Trung cấp - 3N (GDNN)	Cơ khí chế tạo	21T4-CKC1	14	Nợ môn
3	Trung cấp - 3N (GDNN)	Công nghệ chế tạo máy	21T4-CTM1	9	Nợ môn
4	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	21C1-CCK1	12	Nợ môn
5	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	21C1-CCK2	6	Nợ môn
6	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	21C1-CCK3	16	Nợ môn
7	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	21C1-CCK4	8	Nợ môn
8	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ chế tạo máy	21C1-CTM1	4	Nợ môn
9	Cao đẳng - LKQT	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	21C7-CCK1	7	Nợ môn
2022				131	
1	Trung cấp - 3N (GDNN)	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	22T4-CCK1	23	Nợ môn
2	Trung cấp - 3N (GDNN)	Cơ khí chế tạo	22T4-CKC1	9	Nợ môn
3	Trung cấp - 3N (GDNN)	Công nghệ chế tạo máy	22T4-CTM1	6	Nợ môn
4	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	22C1-CCK1	16	Nợ môn
5	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	22C1-CCK2	15	Nợ môn
6	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	22C1-CCK3	26	Nợ môn
7	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	22C1-CCK4	10	Nợ môn
8	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ chế tạo máy	22C1-CTM1	10	Nợ môn
9	Cao đẳng - LT	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	22C2B-CCK1	4	Nợ môn
10	Cao đẳng - LT	Công nghệ chế tạo máy	22C2B-CTM1	5	Nợ môn
11	Cao đẳng - CLC	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	22C3-CCK1	4	Nợ môn
12	Cao đẳng - LKQT	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	22C7-CCK1	3	Nợ môn
2023				231	
1	Trung cấp - 3N (GDNN)	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	23T4-CCK1	52	
2	Trung cấp - 3N (GDNN)	Công nghệ chế tạo máy	23T4-CTM1	30	
3	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	23C1-CCK1	46	
4	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	23C1-CCK2	36	
5	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	23C1-CCK3	19	
6	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ chế tạo máy	23C1-CTM1	14	
7	Cao đẳng - LT	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	23C2-CCK1	20	Nợ môn
8	Cao đẳng - LT	Cắt gọt kim loại	23C2-CKL1	4	Nợ môn
9	Cao đẳng - LT	Công nghệ chế tạo máy	23C2-CTM1	10	Nợ môn
2024				237	
1	Trung cấp - 3N (GDNN)	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	24T4-CCK1	38	
2	Trung cấp - 3N (GDNN)	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	24T4-CCK2	21	
3	Trung cấp - 3N (GDNN)	Cắt gọt kim loại	24T4-CKL1	16	
4	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	24C1-CCK1	46	
5	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	24C1-CCK2	43	
6	Cao đẳng - 2,5N	Cắt gọt kim loại	24C1-CKL1	13	
7	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ chế tạo máy	24C1-CTM1	17	
8	Cao đẳng - LT	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	24C2-CCK1	31	
9	Cao đẳng - LT	Công nghệ chế tạo máy	24C2-CTM1	12	
2025				371	

STT	Hệ đào tạo	Ngành	Tên lớp	Hiện tại	Ghi chú
1	Trung cấp - 3N (GDNN)	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	25T4-CCK1	43	
2	Trung cấp - 3N (GDNN)	Cơ điện tử	25T4-CĐT1	21	
3	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	25C1-CCK1	58	
4	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	25C1-CCK2	55	
5	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	25C1-CCK3	57	
6	Cao đẳng - 2,5N	Cơ điện tử	25C1-CĐT1	44	
7	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ chế tạo máy	25C1-CTM1	26	
8	Cao đẳng - LT	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	25C2-CCK1	17	
9	Cao đẳng - LT	Cơ điện tử	25C2-CĐT1	10	
10	Cao đẳng - LT	Công nghệ chế tạo máy	25C2-CTM1	18	
11	Cao đẳng - LKQT	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	25C7-CCK1	22	Nợ môn
Khoa Động lực				2.298	
2018				5	
1	Trung cấp - 3N (GDNN)	Công nghệ ô tô	18T4-CNÔ1	1	Ban Giám hiệu duyệt gia hạn thời gian đào tạo đến tháng 6/2026 do đi NVQS
2	Trung cấp - 3N (GDNN)	Công nghệ ô tô	18T4-CNÔ2	1	Ban Giám hiệu duyệt cho học trả nợ môn do hoàn thành NVQS (được gia hạn đến hết T3/2026)
3	Trung cấp - 3N (GDNN)	Công nghệ ô tô	18T4-CNÔ4	1	Ban Giám hiệu duyệt gia hạn thời gian đào tạo đến tháng 6/2026 do đi NVQS
4	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ ô tô	18C1-CNÔ2	1	Ban Giám hiệu duyệt được gia hạn thời gian đào tạo đến tháng 8/2026 do hoàn thành NVQS
5	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ ô tô	18C1-CNÔ8	1	Ban Giám hiệu duyệt được gia hạn thời gian đào tạo đến tháng 8/2026 do hoàn thành NVQS
2019				2	
1	Trung cấp - 3N (GDNN)	Công nghệ ô tô	19T4-CNÔ5	1	BGH duyệt gia hạn thời gian đào tạo đến tháng 6/2027 do hoàn thành NVQS
2	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ ô tô	19C1-CNÔ8	1	BGH duyệt gia hạn thời gian đào tạo đến tháng 8/2027 do hoàn thành NVQS
2020				190	
1	Trung cấp - 3N (GDNN)	Công nghệ ô tô	20T4-CNÔ1	12	Nợ môn
2	Trung cấp - 3N (GDNN)	Công nghệ ô tô	20T4-CNÔ2	9	Nợ môn
3	Trung cấp - 3N (GDNN)	Công nghệ ô tô	20T4-CNÔ3	17	Nợ môn
4	Trung cấp - 3N (GDNN)	Công nghệ ô tô	20T4-CNÔ4	10	Nợ môn
5	Trung cấp - 3N (GDNN)	Công nghệ ô tô	20T4-CNÔ5	16	Nợ môn
6	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ ô tô	20C1-CNÔ1	9	Nợ môn
7	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ ô tô	20C1-CNÔ2	3	Nợ môn
8	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ ô tô	20C1-CNÔ3	3	Nợ môn
9	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ ô tô	20C1-CNÔ4	5	Nợ môn
10	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ ô tô	20C1-CNÔ5	13	Nợ môn
11	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ ô tô	20C1-CNÔ6	8	Nợ môn
12	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ ô tô	20C1-CNÔ7	1	Nợ môn
13	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ ô tô	20C1-CNÔ8	8	Nợ môn
14	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ ô tô	20C1-CNÔ9	3	Nợ môn
15	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ ô tô	20C1-CNÔ10	7	Nợ môn
16	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ ô tô	20C1-CNÔ11	7	Nợ môn
17	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ ô tô	20C1-CNÔ12	7	Nợ môn
18	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ ô tô	20C1-CNÔ13	10	Nợ môn
19	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ ô tô	20C1-CNÔ14	10	Nợ môn
20	Cao đẳng - CLC	Công nghệ ô tô	20C3-CNÔ1	7	Nợ môn

H. P.
 NG.
 NG.
 RONG
 HO.
 MINH

STT	Hệ đào tạo	Ngành	Tên lớp	Hiện tại	Ghi chú
21	Cao đẳng - CLC	Công nghệ ô tô	20C3-CNÔ2	4	Nợ môn
22	Cao đẳng - CLC	Công nghệ ô tô	20C3-CNÔ3	4	Nợ môn
23	Cao đẳng - CLC song hành Vinfast	Công nghệ ô tô	20C5-CNÔ1	1	Nợ môn
24	Cao đẳng - CLC TTTN Nhật	Công nghệ ô tô	20C6-CNÔ1	1	Nợ môn
25	Cao đẳng - CLC TTTN Nhật	Công nghệ ô tô	20C6-CNÔ2	3	Nợ môn
26	Cao đẳng - CLC TTTN Nhật	Công nghệ ô tô	20C6-CNÔ3	7	Nợ môn
27	Cao đẳng - CLC TTTN Nhật	Công nghệ ô tô	20C6-CNÔ4	5	Nợ môn
2021				162	
1	Trung cấp - 3N (GDNN)	Công nghệ ô tô	21T4-CNÔ1	13	Nợ môn
2	Trung cấp - 3N (GDNN)	Công nghệ ô tô	21T4-CNÔ2	14	Nợ môn
3	Trung cấp - 3N (GDNN)	Công nghệ ô tô	21T4-CNÔ3	13	Nợ môn
4	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ ô tô	21C1-CNÔ1	10	Nợ môn
5	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ ô tô	21C1-CNÔ2	4	Nợ môn
6	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ ô tô	21C1-CNÔ3	9	Nợ môn
7	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ ô tô	21C1-CNÔ4	8	Nợ môn
8	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ ô tô	21C1-CNÔ5	13	Nợ môn
9	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ ô tô	21C1-CNÔ6	13	Nợ môn
10	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ ô tô	21C1-CNÔ7	6	Nợ môn
11	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ ô tô	21C1-CNÔ8	11	Nợ môn
12	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ ô tô	21C1-CNÔ9	7	Nợ môn
13	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ ô tô	21C1-CNÔ10	9	Nợ môn
14	Cao đẳng - CLC	Công nghệ ô tô	21C3-CNÔ1	2	Nợ môn
15	Cao đẳng - CLC	Công nghệ ô tô	21C3-CNÔ2	6	Nợ môn
16	Cao đẳng - CLC	Công nghệ ô tô	21C3-CNÔ3	3	Nợ môn
17	Cao đẳng - CLC	Công nghệ ô tô	21C3-CNÔ4	4	Nợ môn
18	Cao đẳng - CLC song hành Vinfast	Công nghệ ô tô	21C5-CNÔ1	5	Nợ môn
19	Cao đẳng - CLC TTTN Nhật	Công nghệ ô tô	21C6-CNÔ1	6	Nợ môn
20	Cao đẳng - CLC TTTN Nhật	Công nghệ ô tô	21C6-CNÔ2	6	Nợ môn
2022				194	
1	Trung cấp - 3N (GDNN)	Công nghệ ô tô	22T4-CNÔ1	16	Nợ môn
2	Trung cấp - 3N (GDNN)	Công nghệ ô tô	22T4-CNÔ2	12	Nợ môn
3	Trung cấp - 3N (GDNN)	Công nghệ ô tô	22T4-CNÔ3	13	Nợ môn
4	Trung cấp - 3N (GDNN)	Công nghệ ô tô	22T4-CNÔ4	8	Nợ môn
5	Trung cấp - 3N (GDNN)	Công nghệ ô tô	22T4-CNÔ5	8	Nợ môn
6	Trung cấp - 3N (GDNN)	Công nghệ ô tô	22T4-CNÔ6	10	Nợ môn
7	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ ô tô	22C1-CNÔ1	11	Nợ môn
8	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ ô tô	22C1-CNÔ2	11	Nợ môn
9	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ ô tô	22C1-CNÔ3	8	Nợ môn
10	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ ô tô	22C1-CNÔ4	7	Nợ môn
11	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ ô tô	22C1-CNÔ5	8	Nợ môn
12	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ ô tô	22C1-CNÔ6	17	Nợ môn
13	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ ô tô	22C1-CNÔ7	13	Nợ môn
14	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ ô tô	22C1-CNÔ8	13	Nợ môn
15	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ ô tô	22C1-CNÔ9	8	Nợ môn
16	Cao đẳng - LT	Công nghệ ô tô	22C2B-CNÔ1	5	Nợ môn
17	Cao đẳng - LT	Công nghệ ô tô	22C2B-CNÔ2	3	Nợ môn
18	Cao đẳng - CLC	Công nghệ ô tô	22C3-CNÔ1	6	Nợ môn
19	Cao đẳng - CLC	Công nghệ ô tô	22C3-CNÔ2	4	Nợ môn
20	Cao đẳng - CLC	Công nghệ ô tô	22C3-CNÔ3	8	Nợ môn

STT	Hệ đào tạo	Ngành	Tên lớp	Hiện tại	Ghi chú
21	Cao đẳng - CLC TTTN Nhật	Công nghệ ô tô	22C6-CNÔ1	5	Nợ môn
2023				645	
1	Trung cấp - 1N3	Công nghệ ô tô	23T2-CNÔ1	12	Nợ môn
2	Trung cấp - 3N (GDTX)	Công nghệ ô tô	23T3-CNÔ1CK	43	TTGDTX Cầu Kè - TV
3	Trung cấp - 3N (GDNN)	Công nghệ ô tô	23T4-CNÔ1	48	
4	Trung cấp - 3N (GDNN)	Công nghệ ô tô	23T4-CNÔ2	48	
5	Trung cấp - 3N (GDNN)	Công nghệ ô tô	23T4-CNÔ3	49	
6	Trung cấp - 3N (GDNN)	Công nghệ ô tô	23T4-CNÔ4	48	
7	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ ô tô	23C1-CNÔ1	50	
8	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ ô tô	23C1-CNÔ2	51	
9	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ ô tô	23C1-CNÔ3	51	
10	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ ô tô	23C1-CNÔ4	46	
11	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ ô tô	23C1-CNÔ5	51	
12	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ ô tô	23C1-CNÔ6	53	
13	Cao đẳng - LT	Công nghệ ô tô	23C2-CNÔ1	21	Nợ môn
14	Cao đẳng - LT	Công nghệ ô tô	23C2-CNÔ2	23	Nợ môn
15	Cao đẳng - CLC	Công nghệ ô tô	23C3-CNÔ1	27	Nợ môn
16	Cao đẳng - CLC	Công nghệ ô tô	23C3-CNÔ2	24	Nợ môn
2024				496	
1	Trung cấp - 3N (GDNN)	Công nghệ ô tô	24T4-CNÔ1	45	
2	Trung cấp - 3N (GDNN)	Công nghệ ô tô	24T4-CNÔ2	45	
3	Trung cấp - 3N (GDNN)	Công nghệ ô tô	24T4-CNÔ3	45	
4	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ ô tô	24C1-CNÔ1	44	
5	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ ô tô	24C1-CNÔ2	45	
6	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ ô tô	24C1-CNÔ3	52	
7	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ ô tô	24C1-CNÔ4	37	
8	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ ô tô	24C1-CNÔ5	43	
9	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ ô tô	24C1-CNÔ6	39	
10	Cao đẳng - LT	Công nghệ ô tô	24C2-CNÔ1	49	
11	Cao đẳng - LT	Công nghệ ô tô	24C2-CNÔ2	52	
2025				604	
1	Trung cấp - 3N (GDNN)	Công nghệ ô tô	25T4-CNÔ1	45	
2	Trung cấp - 3N (GDNN)	Công nghệ ô tô	25T4-CNÔ2	43	
3	Trung cấp - 3N (GDNN)	Công nghệ ô tô	25T4-CNÔ3	42	
4	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ ô tô	25C1-CNÔ1	53	
5	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ ô tô	25C1-CNÔ2	53	
6	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ ô tô	25C1-CNÔ3	54	
7	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ ô tô	25C1-CNÔ4	53	
8	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ ô tô	25C1-CNÔ5	53	
9	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ ô tô	25C1-CNÔ6	53	
10	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ ô tô	25C1-CNÔ7	50	
11	Cao đẳng - LT	Công nghệ ô tô	25C2-CNÔ1	60	
12	Cao đẳng - LT	Công nghệ ô tô	25C2-CNÔ2	45	
Khoa Công nghệ Thông tin				2.427	
2018				1	
1	Trung cấp - 3N (GDNN)	Công nghệ kỹ thuật phần cứng máy tính	18T4-CMT1	1	Ban Giám hiệu duyệt gia hạn thời gian đào tạo đến tháng 6/2026 do đi NVQS
2019				4	
1	Trung cấp - 1N3	Quản trị mạng máy tính	19T2-QTM1	1	Bảo lưu, xin học lại do đi NVQS (gia hạn đến hết tháng 02/2026)
2	Trung cấp - 3N (GDNN)	Công nghệ kỹ thuật phần cứng máy tính	19T4-CMT1	1	Ban Giám hiệu duyệt gia hạn thời gian đào tạo đến tháng 6/2027 do hoàn thành NVQS
3	Trung cấp - 3N (GDNN)	Thiết kế đồ họa	19T4-TKĐ1	2	Ban Giám hiệu duyệt gia hạn thời gian đào tạo đến tháng 6/2027 do hoàn thành NVQS

STT	Hệ đào tạo	Ngành	Tên lớp	Hiện tại	Ghi chú
2020				181	
1	Trung cấp - 3N (GDNN)	An ninh mạng	20T4-ANM1	8	Nợ môn
2	Trung cấp - 3N (GDNN)	Công nghệ kỹ thuật phần cứng máy tính	20T4-CMT1	21	Nợ môn
3	Trung cấp - 3N (GDNN)	Đồ họa đa phương tiện	20T4-ĐHĐ1	9	Nợ môn
4	Trung cấp - 3N (GDNN)	Lập trình máy tính	20T4-LTM1	9	Nợ môn
5	Trung cấp - 3N (GDNN)	Lập trình máy tính	20T4-LTM2	9	Nợ môn
6	Trung cấp - 3N (GDNN)	Quản trị mạng máy tính	20T4-QTM1	7	Nợ môn
7	Trung cấp - 3N (GDNN)	Quản trị mạng máy tính	20T4-QTM2	5	Nợ môn
8	Trung cấp - 3N (GDNN)	Tin học ứng dụng	20T4-THU1	20	Nợ môn
9	Trung cấp - 3N (GDNN)	Thiết kế đồ họa	20T4-TKĐ1	22	Nợ môn
10	Trung cấp - 3N (GDNN)	Thiết kế đồ họa	20T4-TKĐ2	12	Nợ môn
11	Trung cấp - 3N (GDNN)	Thiết kế đồ họa	20T4-TKĐ3	17	Nợ môn
12	Trung cấp - 3N (GDNN)	Thiết kế trang Web	20T4-TKW1	14	Nợ môn
13	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ kỹ thuật máy tính	20C1-CMT1	5	Nợ môn
14	Cao đẳng - 2,5N	Đồ họa đa phương tiện	20C1-ĐHĐ1	1	Nợ môn
15	Cao đẳng - 2,5N	Lập trình máy tính	20C1-LTM1	2	Nợ môn
16	Cao đẳng - 2,5N	Lập trình máy tính	20C1-LTM2	3	Nợ môn
17	Cao đẳng - 2,5N	Quản trị mạng máy tính	20C1-QTM1	5	Nợ môn
18	Cao đẳng - 2,5N	Thiết kế đồ họa	20C1-TKĐ1	6	Nợ môn
19	Cao đẳng - 2,5N	Thiết kế đồ họa	20C1-TKĐ2	4	Nợ môn
20	Cao đẳng - 2,5N	Thiết kế trang Web	20C1-TKW1	2	Nợ môn
2021				191	
1	Trung cấp - 3N (GDNN)	An ninh mạng	21T4-ANM1	9	Nợ môn
2	Trung cấp - 3N (GDNN)	Công nghệ kỹ thuật phần cứng máy tính	21T4-CMT1	20	Nợ môn
3	Trung cấp - 3N (GDNN)	Đồ họa đa phương tiện	21T4-ĐHĐ1	13	Nợ môn
4	Trung cấp - 3N (GDNN)	Lập trình máy tính	21T4-LTM1	17	Nợ môn
5	Trung cấp - 3N (GDNN)	Lập trình máy tính	21T4-LTM2	14	Nợ môn
6	Trung cấp - 3N (GDNN)	Quản trị mạng máy tính	21T4-QTM1	14	Nợ môn
7	Trung cấp - 3N (GDNN)	Tin học ứng dụng	21T4-THU1	9	Nợ môn
8	Trung cấp - 3N (GDNN)	Thiết kế đồ họa	21T4-TKĐ1	13	Nợ môn
9	Trung cấp - 3N (GDNN)	Thiết kế đồ họa	21T4-TKĐ2	25	Nợ môn
10	Trung cấp - 3N (GDNN)	Thiết kế trang Web	21T4-TKW1	8	Nợ môn
11	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ kỹ thuật máy tính	21C1-CMT1	7	Nợ môn
12	Cao đẳng - 2,5N	Lập trình máy tính	21C1-LTM1	5	Nợ môn
13	Cao đẳng - 2,5N	Lập trình máy tính	21C1-LTM2	5	Nợ môn
14	Cao đẳng - 2,5N	Quản trị mạng máy tính	21C1-QTM1	4	Nợ môn
15	Cao đẳng - 2,5N	Thiết kế đồ họa	21C1-TKĐ1	11	Nợ môn
16	Cao đẳng - 2,5N	Thiết kế đồ họa	21C1-TKĐ2	7	Nợ môn
17	Cao đẳng - 2,5N	Thiết kế trang Web	21C1-TKW1	5	Nợ môn
18	Cao đẳng - CLC	Lập trình máy tính	21C3-LTM1	4	Nợ môn
19	Cao đẳng - LKQT	Lập trình máy tính	21C7-LTM1	1	Nợ môn
2022				240	
1	Trung cấp - 3N (GDNN)	An ninh mạng	22T4-ANM1	8	Nợ môn
2	Trung cấp - 3N (GDNN)	Công nghệ kỹ thuật phần cứng máy tính	22T4-CMT1	18	Nợ môn
3	Trung cấp - 3N (GDNN)	Đồ họa đa phương tiện	22T4-ĐHĐ1	11	Nợ môn
4	Trung cấp - 3N (GDNN)	Đồ họa đa phương tiện	22T4-ĐHĐ2	10	Nợ môn
5	Trung cấp - 3N (GDNN)	Lập trình máy tính	22T4-LTM1	17	Nợ môn
6	Trung cấp - 3N (GDNN)	Lập trình máy tính	22T4-LTM2	16	Nợ môn
7	Trung cấp - 3N (GDNN)	Quản trị mạng máy tính	22T4-QTM1	17	Nợ môn
8	Trung cấp - 3N (GDNN)	Tin học ứng dụng	22T4-THU1	12	Nợ môn
9	Trung cấp - 3N (GDNN)	Thiết kế đồ họa	22T4-TKĐ1	24	Nợ môn
10	Trung cấp - 3N (GDNN)	Thiết kế đồ họa	22T4-TKĐ2	15	Nợ môn
11	Trung cấp - 3N (GDNN)	Thiết kế trang Web	22T4-TKW1	6	Nợ môn
12	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ kỹ thuật máy tính	22C1-CMT1	6	Nợ môn
13	Cao đẳng - 2,5N	Lập trình máy tính	22C1-LTM1	8	Nợ môn

STT	Hệ đào tạo	Ngành	Tên lớp	Hiện tại	Ghi chú
14	Cao đẳng - 2,5N	Quản trị mạng máy tính	22C1-QTM1	4	Nợ môn
15	Cao đẳng - 2,5N	Tin học ứng dụng	22C1-THU1	4	Nợ môn
16	Cao đẳng - 2,5N	Thiết kế đồ họa	22C1-TKĐ1	14	Nợ môn
17	Cao đẳng - 2,5N	Thiết kế đồ họa	22C1-TKĐ2	7	Nợ môn
18	Cao đẳng - 2,5N	Thiết kế trang Web	22C1-TKW1	4	Nợ môn
19	Cao đẳng - LT	An ninh mạng	22C2B-ANM1	3	Nợ môn
20	Cao đẳng - LT	Công nghệ kỹ thuật máy tính	22C2B-CMT1	4	Nợ môn
21	Cao đẳng - LT	Lập trình máy tính	22C2B-LTM1	6	Nợ môn
22	Cao đẳng - LT	Quản trị mạng máy tính	22C2B-QTM1	9	Nợ môn
23	Cao đẳng - LT	Tin học ứng dụng	22C2B-THU1	5	Nợ môn
24	Cao đẳng - LT	Thiết kế đồ họa	22C2B-TKĐ1	4	Nợ môn
25	Cao đẳng - LT	Thiết kế trang Web	22C2B-TKW1	4	Nợ môn
26	Cao đẳng - LKQT	Lập trình máy tính	22C7-LTM1	4	Nợ môn
2023				632	
1	Trung cấp - 3N (GDTX)	Tin học ứng dụng	23T3-THU1BP	19	TT GDTX Bình Phước
2	Trung cấp - 3N (GDNN)	Công nghệ kỹ thuật phần cứng máy tính	23T4-CMT1	29	
3	Trung cấp - 3N (GDNN)	Đồ họa đa phương tiện	23T4-ĐHĐ1	45	
4	Trung cấp - 3N (GDNN)	Lập trình máy tính	23T4-LTM1	46	
5	Trung cấp - 3N (GDNN)	Lập trình máy tính	23T4-LTM2	36	
6	Trung cấp - 3N (GDNN)	Quản trị mạng máy tính	23T4-QTM1	33	
7	Trung cấp - 3N (GDNN)	Tin học ứng dụng	23T4-THU1	35	
8	Trung cấp - 3N (GDNN)	Thiết kế đồ họa	23T4-TKĐ1	42	
9	Trung cấp - 3N (GDNN)	Thiết kế đồ họa	23T4-TKĐ2	45	
10	Trung cấp - 3N (GDNN)	Thiết kế đồ họa	23T4-TKĐ3	30	
11	Trung cấp - 3N (GDNN)	Thiết kế trang Web	23T4-TKW1	19	
12	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ kỹ thuật máy tính	23C1-CMT1	21	
13	Cao đẳng - 2,5N	Đồ họa đa phương tiện	23C1-ĐHĐ1	21	
14	Cao đẳng - 2,5N	Lập trình máy tính	23C1-LTM1	50	
15	Cao đẳng - 2,5N	Quản trị mạng máy tính	23C1-QTM1	13	
16	Cao đẳng - 2,5N	Thiết kế đồ họa	23C1-TKĐ1	46	
17	Cao đẳng - LT	An ninh mạng	23C2-ANM1	7	Nợ môn
18	Cao đẳng - LT	Công nghệ kỹ thuật máy tính	23C2-CMT1	18	Nợ môn
19	Cao đẳng - LT	Đồ họa đa phương tiện	23C2-ĐHĐ1	9	Nợ môn
20	Cao đẳng - LT	Lập trình máy tính	23C2-LTM1	11	Nợ môn
21	Cao đẳng - LT	Quản trị mạng máy tính	23C2-QTM1	11	Nợ môn
22	Cao đẳng - LT	Tin học ứng dụng	23C2-THU1	7	Nợ môn
23	Cao đẳng - LT	Thiết kế đồ họa	23C2-TKĐ1	12	Nợ môn
24	Cao đẳng - LT	Thiết kế đồ họa	23C2-TKĐ2	23	Nợ môn
25	Cao đẳng - LT	Thiết kế trang Web	23C2-TKW1	4	Nợ môn
2024				681	
1	Trung cấp - 3N (GDNN)	An ninh mạng	24T4-ANM1	11	
2	Trung cấp - 3N (GDNN)	Công nghệ kỹ thuật phần cứng máy tính	24T4-CMT1	19	
3	Trung cấp - 3N (GDNN)	Đồ họa đa phương tiện	24T4-ĐHĐ1	41	
4	Trung cấp - 3N (GDNN)	Lập trình máy tính	24T4-LTM1	38	
5	Trung cấp - 3N (GDNN)	Lập trình máy tính	24T4-LTM2	22	
6	Trung cấp - 3N (GDNN)	Quản trị mạng máy tính	24T4-QTM1	19	
7	Trung cấp - 3N (GDNN)	Tin học ứng dụng	24T4-THU1	38	
8	Trung cấp - 3N (GDNN)	Thiết kế đồ họa	24T4-TKĐ1	44	
9	Trung cấp - 3N (GDNN)	Thiết kế đồ họa	24T4-TKĐ2	35	
10	Trung cấp - 3N (GDNN)	Thiết kế trang Web	24T4-TKW1	20	
11	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ kỹ thuật máy tính	24C1-CMT1	15	
12	Cao đẳng - 2,5N	Đồ họa đa phương tiện	24C1-ĐHĐ1	18	
13	Cao đẳng - 2,5N	Lập trình máy tính	24C1-LTM1	29	
14	Cao đẳng - 2,5N	Quản trị mạng máy tính	24C1-QTM1	16	
15	Cao đẳng - 2,5N	Thiết kế đồ họa	24C1-TKĐ1	40	
16	Cao đẳng - LT	An ninh mạng	24C2-ANM1	17	



STT	Hệ đào tạo	Ngành	Tên lớp	Hiện tại	Ghi chú
17	Cao đẳng - LT	Công nghệ kỹ thuật máy tính	24C2-CMT1	27	
18	Cao đẳng - LT	Đồ họa đa phương tiện	24C2-ĐHĐ1	26	
19	Cao đẳng - LT	Lập trình máy tính	24C2-LTM1	40	
20	Cao đẳng - LT	Lập trình máy tính	24C2-LTM2	25	
21	Cao đẳng - LT	Quản trị mạng máy tính	24C2-QTM1	38	
22	Cao đẳng - LT	Tin học ứng dụng	24C2-THU1	26	
23	Cao đẳng - LT	Thiết kế đồ họa	24C2-TKĐ1	36	
24	Cao đẳng - LT	Thiết kế đồ họa	24C2-TKĐ2	33	
25	Cao đẳng - LT	Thiết kế trang Web	24C2-TKW1	8	
2025				497	
1	Trung cấp - 3N (GDNN)	Công nghệ kỹ thuật phần cứng máy tính	25T4-CMT1	16	
2	Trung cấp - 3N (GDNN)	Lập trình máy tính	25T4-LTM1	48	
3	Trung cấp - 3N (GDNN)	Quản trị mạng máy tính	25T4-QTM1	16	
4	Trung cấp - 3N (GDNN)	Thiết kế đồ họa	25T4-TKĐ1	69	
5	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ kỹ thuật máy tính	25C1-CMT1	41	
6	Cao đẳng - 2,5N	Lập trình máy tính	25C1-LTM1	26	
7	Cao đẳng - 2,5N	Thiết kế đồ họa	25C1-TKĐ1	42	
8	Cao đẳng - LT	An ninh mạng	25C2-ANM1	10	
9	Cao đẳng - LT	Công nghệ kỹ thuật máy tính	25C2-CMT1	23	
10	Cao đẳng - LT	Đồ họa đa phương tiện	25C2-ĐHĐ1	47	
11	Cao đẳng - LT	Lập trình máy tính	25C2-LTM1	53	
12	Cao đẳng - LT	Quản trị mạng máy tính	25C2-QTM1	22	
13	Cao đẳng - LT	Tin học ứng dụng	25C2-THU1	19	
14	Cao đẳng - LT	Thiết kế đồ họa	25C2-TKĐ1	60	
15	Cao đẳng - LT	Thiết kế trang Web	25C2-TKW1	5	
Khoa May - Thời trang				100	
2020				17	
1	Trung cấp - 3N (GDNN)	Công nghệ may và thời trang	20T4-CNM1	14	Nợ môn
2	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ may	20C1-CNM1	3	Nợ môn
2021				5	
1	Trung cấp - 3N (GDNN)	Công nghệ may	21T4-CNM1	5	Nợ môn
2022				9	
1	Trung cấp - 3N (GDNN)	Công nghệ may	22T4-CNM1	8	Nợ môn
2	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ may	22C1-CNM1	1	Nợ môn
2023				19	
1	Trung cấp - 3N (GDNN)	Công nghệ may	23T4-CNM1	11	
2	Cao đẳng - 2,5N	May thời trang	23C1-MTT1	5	
3	Cao đẳng - LT	Công nghệ may	23C2-CNM1	3	Nợ môn
2024				23	
1	Trung cấp - 3N (GDNN)	May thời trang	24T4-MTT1	12	
2	Cao đẳng - 2,5N	May thời trang	24C1-MTT1	5	
3	Cao đẳng - LT	Công nghệ may	24C2-CNM1	6	
2025				27	
1	Trung cấp - 3N (GDNN)	May thời trang	25T4-MTT1	11	
2	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ may	25C1-CNM1	6	
3	Cao đẳng - LT	Công nghệ may	25C2-CNM1	10	
Khoa Xây dựng - Nhiệt lạnh				899	
2018				1	
1	Trung cấp - 3N (GDNN)	Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh	18T4-VSL1	1	Ban Giám hiệu duyệt gia hạn thời gian đào tạo đến tháng 6/2026 do đi NVQS
2019				2	
1	Cao đẳng - 2,5N	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	19C1-KML1	1	Ban Giám hiệu duyệt gia hạn thời gian đào tạo đến tháng 8/2027 do hoàn thành NVQS

STT	Hệ đào tạo	Ngành	Tên lớp	Hiện tại	Ghi chú
2	Cao đẳng - 2,5N	Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh	19C1-VSL2	1	Ban Giám hiệu duyệt gia hạn thời gian đào tạo đến tháng 8/2027 do hoàn thành NVQS
2020				107	
1	Trung cấp - 3N (GDNN)	Công nghệ kỹ thuật nhiệt	20T4-CNL1	3	Nợ môn
2	Trung cấp - 3N (GDNN)	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	20T4-KML1	11	Nợ môn
3	Trung cấp - 3N (GDNN)	Kỹ thuật Xây dựng	20T4-KXD1	14	Nợ môn
4	Trung cấp - 3N (GDNN)	Lắp đặt thiết bị lạnh	20T4-LĐL1	8	Nợ môn
5	Trung cấp - 3N (GDNN)	Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh	20T4-VSL1	17	Nợ môn
6	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ kỹ thuật nhiệt	20C1-CNL1	7	Nợ môn
7	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ kỹ thuật nhiệt	20C1-CNL2	15	Nợ môn
8	Cao đẳng - 2,5N	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	20C1-KML1	7	Nợ môn
9	Cao đẳng - 2,5N	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	20C1-KML2	2	Nợ môn
10	Cao đẳng - 2,5N	Kỹ thuật Xây dựng	20C1-KXD1	8	Nợ môn
11	Cao đẳng - 2,5N	Lắp đặt thiết bị lạnh	20C1-LĐL1	2	Nợ môn
12	Cao đẳng - 2,5N	Quản lý xây dựng	20C1-QXD1	2	Nợ môn
13	Cao đẳng - 2,5N	Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh	20C1-VSL1	8	Nợ môn
14	Cao đẳng - 2,5N	Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh	20C1-VSL2	3	Nợ môn
2021				72	
1	Trung cấp - 3N (GDNN)	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	21T4-KML1	24	Nợ môn
2	Trung cấp - 3N (GDNN)	Kỹ thuật Xây dựng	21T4-KXD1	6	Nợ môn
3	Trung cấp - 3N (GDNN)	Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh	21T4-VSL1	15	Nợ môn
4	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ kỹ thuật nhiệt	21C1-CNL1	5	Nợ môn
5	Cao đẳng - 2,5N	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	21C1-KML1	10	Nợ môn
6	Cao đẳng - 2,5N	Kỹ thuật Xây dựng	21C1-KXD1	3	Nợ môn
7	Cao đẳng - 2,5N	Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh	21C1-VSL1	9	Nợ môn
2022				84	
1	Trung cấp - 3N (GDNN)	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	22T4-KML1	9	Nợ môn
2	Trung cấp - 3N (GDNN)	Kỹ thuật Xây dựng	22T4-KXD1	2	Nợ môn
3	Trung cấp - 3N (GDNN)	Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh	22T4-VSL1	20	Nợ môn
4	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ kỹ thuật nhiệt	22C1-CNL1	7	Nợ môn
5	Cao đẳng - 2,5N	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	22C1-KML1	18	Nợ môn
6	Cao đẳng - 2,5N	Kỹ thuật Xây dựng	22C1-KXD1	7	Nợ môn
7	Cao đẳng - 2,5N	Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh	22C1-VSL1	9	Nợ môn
8	Cao đẳng - LT	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	22C2B-KML1	6	Nợ môn
9	Cao đẳng - LT	Lắp đặt thiết bị lạnh	22C2B-LĐL1	3	Nợ môn
10	Cao đẳng - LT	Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh	22C2B-VSL1	3	Nợ môn
2023				176	
1	Trung cấp - 3N (GDNN)	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	23T4-KML1	24	
2	Trung cấp - 3N (GDNN)	Kỹ thuật Xây dựng	23T4-KXD1	9	

STT	Hệ đào tạo	Ngành	Tên lớp	Hiện tại	Ghi chú
3	Trung cấp - 3N (GDNN)	Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh	23T4-VSL1	42	
4	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ kỹ thuật nhiệt	23C1-CNL1	13	
5	Cao đẳng - 2,5N	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	23C1-KML1	29	
6	Cao đẳng - 2,5N	Kỹ thuật Xây dựng	23C1-KXD1	12	
7	Cao đẳng - 2,5N	Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh	23C1-VSL1	17	
8	Cao đẳng - LT	Công nghệ kỹ thuật nhiệt	23C2-CNL1	7	Nợ môn
9	Cao đẳng - LT	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	23C2-KML1	3	Nợ môn
10	Cao đẳng - LT	Kỹ thuật Xây dựng	23C2-KXD1	10	Nợ môn
11	Cao đẳng - LT	Lắp đặt thiết bị lạnh	23C2-LDL1	3	Nợ môn
12	Cao đẳng - LT	Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh	23C2-VSL1	7	Nợ môn
2024				201	
1	Trung cấp - 3N (GDNN)	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	24T4-KML1	26	
2	Trung cấp - 3N (GDNN)	Kỹ thuật Xây dựng	24T4-KXD1	6	
3	Trung cấp - 3N (GDNN)	Lắp đặt thiết bị lạnh	24T4-LDL1	15	
4	Trung cấp - 3N (GDNN)	Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh	24T4-VSL1	33	
5	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ kỹ thuật nhiệt	24C1-CNL1	16	
6	Cao đẳng - 2,5N	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	24C1-KML1	40	
7	Cao đẳng - 2,5N	Kỹ thuật Xây dựng	24C1-KXD1	7	
8	Cao đẳng - 2,5N	Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh	24C1-VSL1	14	
9	Cao đẳng - LT	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	24C2-KML1	17	
10	Cao đẳng - LT	Kỹ thuật Xây dựng	24C2-KXD1	7	
11	Cao đẳng - LT	Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh	24C2-VSL1	20	
2025				256	
1	Trung cấp - 3N (GDNN)	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	25T4-KML1	35	
2	Trung cấp - 3N (GDNN)	Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh	25T4-VSL1	42	
3	Cao đẳng - 2,5N	Công nghệ kỹ thuật nhiệt	25C1-CNL1	20	
4	Cao đẳng - 2,5N	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	25C1-KML1	66	
5	Cao đẳng - 2,5N	Kỹ thuật Xây dựng	25C1-KXD1	18	
6	Cao đẳng - 2,5N	Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh	25C1-VSL1	25	
7	Cao đẳng - LT	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	25C2-KML1	27	
8	Cao đẳng - LT	Kỹ thuật Xây dựng	25C2-KXD1	5	
9	Cao đẳng - LT	Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh	25C2-VSL1	18	
Khoa Kinh tế				1.052	
2020				96	
1	Trung cấp - 3N (GDNN)	Kế toán doanh nghiệp	20T4-KTD1	16	Nợ môn
2	Trung cấp - 3N (GDNN)	Logistics	20T4-LGT1	12	Nợ môn
3	Trung cấp - 3N (GDNN)	Quản trị doanh nghiệp vừa và nhỏ	20T4-QTD1	21	Nợ môn
4	Trung cấp - 3N (GDNN)	Tài chính doanh nghiệp	20T4-TCĐ1	12	Nợ môn
5	Trung cấp - 3N (GDNN)	Thương mại điện tử	20T4-TMĐ1	13	Nợ môn
6	Cao đẳng - 2,5N	Kế toán doanh nghiệp	20C1-KTD1	10	Nợ môn

STT	Hệ đào tạo	Ngành	Tên lớp	Hiện tại	Ghi chú
7	Cao đẳng - 2,5N	Logistics	20C1-LGT1	5	Nợ môn
8	Cao đẳng - 2,5N	Quản trị doanh nghiệp vừa và nhỏ	20C1-QTD1	5	Nợ môn
9	Cao đẳng - 2,5N	Tài chính doanh nghiệp	20C1-TCD1	1	Nợ môn
10	Cao đẳng - 2,5N	Thương mại điện tử	20C1-TMĐ1	1	Nợ môn
2021				82	
1	Trung cấp - 3N (GDNN)	Kế toán doanh nghiệp	21T4-KTD1	13	Nợ môn
2	Trung cấp - 3N (GDNN)	Logistics	21T4-LGT1	5	Nợ môn
3	Trung cấp - 3N (GDNN)	Quản trị doanh nghiệp vừa và nhỏ	21T4-QTD1	13	Nợ môn
4	Trung cấp - 3N (GDNN)	Tài chính doanh nghiệp	21T4-TCD1	15	Nợ môn
5	Trung cấp - 3N (GDNN)	Thương mại điện tử	21T4-TMĐ1	9	Nợ môn
6	Cao đẳng - 2,5N	Kế toán doanh nghiệp	21C1-KTD1	10	Nợ môn
7	Cao đẳng - 2,5N	Logistics	21C1-LGT1	4	Nợ môn
8	Cao đẳng - 2,5N	Quản trị doanh nghiệp vừa và nhỏ	21C1-QTD1	6	Nợ môn
9	Cao đẳng - 2,5N	Quản trị doanh nghiệp vừa và nhỏ	21C1-QTD2	3	Nợ môn
10	Cao đẳng - 2,5N	Tài chính doanh nghiệp	21C1-TCD1	4	Nợ môn
2022				103	
1	Trung cấp - 3N (GDNN)	Kế toán doanh nghiệp	22T4-KTD1	13	Nợ môn
2	Trung cấp - 3N (GDNN)	Logistics	22T4-LGT1	6	Nợ môn
3	Trung cấp - 3N (GDNN)	Quản trị doanh nghiệp vừa và nhỏ	22T4-QTD1	14	Nợ môn
4	Trung cấp - 3N (GDNN)	Tài chính doanh nghiệp	22T4-TCD1	3	Nợ môn
5	Trung cấp - 3N (GDNN)	Thương mại điện tử	22T4-TMĐ1	8	Nợ môn
6	Cao đẳng - 2,5N	Kế toán doanh nghiệp	22C1-KTD1	11	Nợ môn
7	Cao đẳng - 2,5N	Logistics	22C1-LGT1	11	Nợ môn
8	Cao đẳng - 2,5N	Quản trị doanh nghiệp vừa và nhỏ	22C1-QTD1	7	Nợ môn
9	Cao đẳng - 2,5N	Quản trị doanh nghiệp vừa và nhỏ	22C1-QTD2	14	Nợ môn
10	Cao đẳng - 2,5N	Thương mại điện tử	22C1-TMĐ1	10	Nợ môn
11	Cao đẳng - LT	Kế toán doanh nghiệp	22C2B-KTD1	3	Nợ môn
12	Cao đẳng - LT	Logistics	22C2B-LGT1	2	Nợ môn
13	Cao đẳng - LT	Quản trị doanh nghiệp vừa và nhỏ	22C2B-QTD1	1	Nợ môn
2023				207	
1	Trung cấp - 3N (GDNN)	Kế toán doanh nghiệp	23T4-KTD1	33	
2	Trung cấp - 3N (GDNN)	Logistics	23T4-LGT1	17	
3	Trung cấp - 3N (GDNN)	Quản trị doanh nghiệp vừa và nhỏ	23T4-QTD1	25	
4	Trung cấp - 3N (GDNN)	Thương mại điện tử	23T4-TMĐ1	21	
5	Cao đẳng - 2,5N	Kế toán doanh nghiệp	23C1-KTD1	19	
6	Cao đẳng - 2,5N	Logistics	23C1-LGT1	26	
7	Cao đẳng - 2,5N	Quản trị doanh nghiệp vừa và nhỏ	23C1-QTD1	17	
8	Cao đẳng - 2,5N	Thương mại điện tử	23C1-TMĐ1	16	
9	Cao đẳng - LT	Kế toán doanh nghiệp	23C2-KTD1	5	Nợ môn
10	Cao đẳng - LT	Kế toán doanh nghiệp	23C2-KTD2	2	Nợ môn
11	Cao đẳng - LT	Logistics	23C2-LGT1	3	Nợ môn
12	Cao đẳng - LT	Quản trị doanh nghiệp vừa và nhỏ	23C2-QTD1	8	Nợ môn
13	Cao đẳng - LT	Tài chính doanh nghiệp	23C2-TCD1	6	Nợ môn
14	Cao đẳng - LT	Thương mại điện tử	23C2-TMĐ1	9	Nợ môn
2024				321	
1	Trung cấp - 3N (GDTX)	Logistics	24T3-LGT1Q12	8	TT GDTX Quận 12
2	Trung cấp - 3N (GDTX)	Thương mại điện tử	24T3-TMĐ1Q12	24	TT GDTX Quận 12

STT	Hệ đào tạo	Ngành	Tên lớp	Hiện tại	Ghi chú
3	Trung cấp - 3N (GDNN)	Kế toán doanh nghiệp	24T4-KTD1	31	
4	Trung cấp - 3N (GDNN)	Logistics	24T4-LGT1	38	
5	Trung cấp - 3N (GDNN)	Quản trị doanh nghiệp vừa và nhỏ	24T4-QTD1	22	
6	Trung cấp - 3N (GDNN)	Thương mại điện tử	24T4-TMĐ1	25	TT GDTX Quận 12
7	Cao đẳng - 2,5N	Kế toán doanh nghiệp	24C1-KTD1	14	
8	Cao đẳng - 2,5N	Logistics	24C1-LGT1	17	
9	Cao đẳng - 2,5N	Quản trị doanh nghiệp vừa và nhỏ	24C1-QTD1	16	
10	Cao đẳng - 2,5N	Thương mại điện tử	24C1-TMĐ1	16	
11	Cao đẳng - LT	Kế toán doanh nghiệp	24C2-KTD1	29	
12	Cao đẳng - LT	Logistics	24C2-LGT1	17	
13	Cao đẳng - LT	Quản trị doanh nghiệp vừa và nhỏ	24C2-QTD1	27	
14	Cao đẳng - LT	Tài chính doanh nghiệp	24C2-TCD1	17	
15	Cao đẳng - LT	Thương mại điện tử	24C2-TMĐ1	20	
2025				243	
1	Trung cấp - 3N (GDNN)	Kế toán doanh nghiệp	25T4-KTD1	18	
2	Trung cấp - 3N (GDNN)	Logistics	25T4-LGT1	20	
3	Trung cấp - 3N (GDNN)	Quản trị doanh nghiệp vừa và nhỏ	25T4-QTD1	25	
4	Cao đẳng - 2,5N	Kế toán doanh nghiệp	25C1-KTD1	32	
5	Cao đẳng - 2,5N	Logistics	25C1-LGT1	37	
6	Cao đẳng - 2,5N	Thương mại điện tử	25C1-TMĐ1	22	
7	Cao đẳng - LT	Kế toán doanh nghiệp	25C2-KTD1	28	
8	Cao đẳng - LT	Logistics	25C2-LGT1	18	
9	Cao đẳng - LT	Quản trị doanh nghiệp vừa và nhỏ	25C2-QTD1	22	
10	Cao đẳng - LT	Tài chính doanh nghiệp	25C2-TCD1	11	
11	Cao đẳng - LT	Thương mại điện tử	25C2-TMĐ1	10	
Khoa Du lịch - Khách sạn				841	
2020				46	
1	Trung cấp - 3N (GDNN)	Kỹ thuật làm bánh	20T4-KLB1	16	Nợ môn
2	Trung cấp - 3N (GDNN)	Quản trị du lịch MICE	20T4-QDL1	8	Nợ môn
3	Trung cấp - 3N (GDNN)	Quản trị khách sạn	20T4-QKS1	3	Nợ môn
4	Trung cấp - 3N (GDNN)	Quản trị lễ hành	20T4-QLH1	3	Nợ môn
5	Trung cấp - 3N (GDNN)	Nghệ vụ nhà hàng	20T4-QNH1	10	Nợ môn
6	Cao đẳng - 2,5N	Kỹ thuật làm bánh	20C1-KLB1	2	Nợ môn
7	Cao đẳng - 2,5N	Quản trị khách sạn	20C1-QKS1	2	Nợ môn
8	Cao đẳng - 2,5N	Quản trị nhà hàng	20C1-QNH1	2	Nợ môn
2021				48	
1	Trung cấp - 3N (GDNN)	Kỹ thuật làm bánh	21T4-KLB1	10	Nợ môn
2	Trung cấp - 3N (GDNN)	Quản trị du lịch MICE	21T4-QDL1	10	Nợ môn
3	Trung cấp - 3N (GDNN)	Quản trị khách sạn	21T4-QKS1	12	Nợ môn
4	Trung cấp - 3N (GDNN)	Quản trị lễ hành	21T4-QLH1	4	Nợ môn
5	Trung cấp - 3N (GDNN)	Nghệ vụ nhà hàng	21T4-QNH1	8	Nợ môn
6	Cao đẳng - 2,5N	Quản trị nhà hàng	21C1-QNH1	4	Nợ môn
2022				47	
1	Trung cấp - 3N (GDNN)	Kỹ thuật làm bánh	22T4-KLB1	9	Nợ môn
2	Trung cấp - 3N (GDNN)	Kỹ thuật làm bánh	22T4-KLB2	8	Nợ môn
3	Trung cấp - 3N (GDNN)	Quản trị du lịch MICE	22T4-QDL1	9	Nợ môn
4	Trung cấp - 3N (GDNN)	Quản trị khách sạn	22T4-QKS1	12	Nợ môn
5	Trung cấp - 3N (GDNN)	Nghệ vụ nhà hàng	22T4-QNH1	3	Nợ môn
6	Cao đẳng - 2,5N	Kỹ thuật làm bánh	22C1-KLB1	1	Nợ môn
7	Cao đẳng - 2,5N	Quản trị khách sạn	22C1-QKS1	2	Nợ môn
8	Cao đẳng - 2,5N	Quản trị lễ hành	22C1-QLH1	1	Nợ môn
9	Cao đẳng - 2,5N	Quản trị nhà hàng	22C1-QNH1	2	Nợ môn
2023				193	

STT	Hệ đào tạo	Ngành	Tên lớp	Hiện tại	Ghi chú
1	Trung cấp - 3N (GDNN)	Kỹ thuật làm bánh	23T4-KLB1	49	
2	Trung cấp - 3N (GDNN)	Quản trị du lịch MICE	23T4-QDL1	21	
3	Trung cấp - 3N (GDNN)	Quản trị khách sạn	23T4-QKS1	27	
4	Trung cấp - 3N (GDNN)	Nghiệp vụ nhà hàng	23T4-QNH1	37	
5	Cao đẳng - 2,5N	Kỹ thuật làm bánh	23C1-KLB1	9	
6	Cao đẳng - 2,5N	Quản trị khách sạn	23C1-QKS1	18	
7	Cao đẳng - 2,5N	Quản trị nhà hàng	23C1-QNH1	17	
8	Cao đẳng - LT	Kỹ thuật làm bánh	23C2-KLB1	6	Nợ môn
9	Cao đẳng - LT	Quản trị du lịch MICE	23C2-QDL1	1	Nợ môn
10	Cao đẳng - LT	Quản trị khách sạn	23C2-QKS1	6	Nợ môn
11	Cao đẳng - LT	Quản trị nhà hàng	23C2-QNH1	2	Nợ môn
2024				240	
1	Trung cấp - 3N (GDNN)	Kỹ thuật làm bánh	24T4-KLB1	51	
2	Trung cấp - 3N (GDNN)	Quản trị du lịch MICE	24T4-QDL1	16	
3	Trung cấp - 3N (GDNN)	Quản trị khách sạn	24T4-QKS1	31	
4	Trung cấp - 3N (GDNN)	Quản trị lễ hành	24T4-QLH1	12	
5	Trung cấp - 3N (GDNN)	Nghiệp vụ nhà hàng	24T4-QNH1	32	
6	Cao đẳng - 2,5N	Kỹ thuật làm bánh	24C1-KLB1	9	
7	Cao đẳng - 2,5N	Quản trị khách sạn	24C1-QKS1	22	
8	Cao đẳng - LT	Kỹ thuật làm bánh	24C2-KLB1	27	
9	Cao đẳng - LT	Quản trị du lịch MICE	24C2-QDL1	19	
10	Cao đẳng - LT	Quản trị khách sạn	24C2-QKS1	21	
2025				267	
1	Trung cấp - 3N (GDNN)	Kỹ thuật làm bánh	25T4-KLB1	48	
2	Trung cấp - 3N (GDNN)	Quản trị du lịch MICE	25T4-QDL1	24	
3	Trung cấp - 3N (GDNN)	Quản trị khách sạn	25T4-QKS1	38	
4	Trung cấp - 3N (GDNN)	Nghiệp vụ nhà hàng	25T4-QNH1	25	
5	Cao đẳng - 2,5N	Kỹ thuật làm bánh	25C1-KLB1	19	
6	Cao đẳng - 2,5N	Quản trị khách sạn	25C1-QKS1	35	
7	Cao đẳng - LT	Kỹ thuật làm bánh	25C2-KLB1	35	
8	Cao đẳng - LT	Quản trị du lịch MICE	25C2-QDL1	10	
9	Cao đẳng - LT	Quản trị khách sạn	25C2-QKS1	16	
10	Cao đẳng - LT	Quản trị nhà hàng	25C2-QNH1	17	
Khoa Ngoại ngữ				645	
2020				36	
1	Trung cấp - 3N (GDNN)	Tiếng Anh	20T4-NNA1	16	Nợ môn
2	Trung cấp - 3N (GDNN)	Tiếng Anh	20T4-NNA2	19	Nợ môn
3	Cao đẳng - 2,5N	Tiếng Anh	20C1-NNA1	1	Nợ môn
2021				44	
1	Trung cấp - 3N (GDNN)	Tiếng Hàn Quốc	21T4-NHQ1	4	Nợ môn
2	Trung cấp - 3N (GDNN)	Tiếng Anh	21T4-NNA1	14	Nợ môn
3	Trung cấp - 3N (GDNN)	Tiếng Anh	21T4-NNA2	21	Nợ môn
4	Trung cấp - 3N (GDNN)	Tiếng Nhật	21T4-NTN1	2	Nợ môn
5	Cao đẳng - 2,5N	Tiếng Anh	21C1-NNA1	3	Nợ môn
2022				35	
1	Trung cấp - 3N (GDNN)	Tiếng Hàn Quốc	22T4-NHQ1	6	Nợ môn
2	Trung cấp - 3N (GDNN)	Tiếng Anh	22T4-NNA1	2	Nợ môn
3	Trung cấp - 3N (GDNN)	Tiếng Anh	22T4-NNA2	6	Nợ môn
4	Trung cấp - 3N (GDNN)	Tiếng Nhật	22T4-NTN1	6	Nợ môn
5	Cao đẳng - 2,5N	Tiếng Anh	22C1-NNA1	9	Nợ môn
6	Cao đẳng - 2,5N	Tiếng Nhật	22C1-NTN1	1	Nợ môn
7	Cao đẳng - LT	Tiếng Anh	22C2B-NNA1	5	Nợ môn
2023				122	
1	Trung cấp - 3N (GDNN)	Tiếng Hàn Quốc	23T4-NHQ1	9	
2	Trung cấp - 3N (GDNN)	Tiếng Anh	23T4-NNA1	25	
3	Trung cấp - 3N (GDNN)	Tiếng Anh	23T4-NNA2	29	
4	Trung cấp - 3N (GDNN)	Tiếng Nhật	23T4-NTN1	8	
5	Cao đẳng - 2,5N	Tiếng Hàn Quốc	23C1-NHQ1	4	

STT	Hệ đào tạo	Ngành	Tên lớp	Hiện tại	Ghi chú
6	Cao đẳng - 2,5N	Tiếng Anh	23C1-NNA1	14	
7	Cao đẳng - 2,5N	Tiếng Nhật	23C1-NTN1	7	
8	Cao đẳng - LT	Tiếng Anh	23C2-NNA1	26	Nợ môn
2024				205	
1	Trung cấp - 3N (GDTX)	Tiếng Hàn Quốc	24T3-NHQ1Q12	13	TT GDTX Quận 12
2	Trung cấp - 3N (GDTX)	Tiếng Hàn Quốc	24T3-NHQ2Q12	13	TT GDTX Quận 12
3	Trung cấp - 3N (GDTX)	Tiếng Hàn Quốc	24T3-NHQ3Q12	11	TT GDTX Quận 12
4	Trung cấp - 3N (GDTX)	Tiếng Anh	24T3-NNA1Q11	23	TT GDTX Quận 11
5	Trung cấp - 3N (GDNN)	Tiếng Hàn Quốc	24T4-NHQ1	8	
6	Trung cấp - 3N (GDNN)	Tiếng Anh	24T4-NNA1	31	
7	Trung cấp - 3N (GDNN)	Tiếng Anh	24T4-NNA2	24	
8	Trung cấp - 3N (GDNN)	Tiếng Nhật	24T4-NTN1	10	
9	Cao đẳng - 2,5N	Tiếng Hàn Quốc	24C1-NHQ1	3	
10	Cao đẳng - 2,5N	Tiếng Anh	24C1-NNA1	21	
11	Cao đẳng - LT	Tiếng Hàn Quốc	24C2-NHQ1	5	
12	Cao đẳng - LT	Tiếng Anh	24C2-NNA1	38	
13	Cao đẳng - LT	Tiếng Nhật	24C2-NTN1	5	
2025				203	
1	Trung cấp - 3N (GDTX)	Tiếng Hàn Quốc	25T3-NHQ1Q12	29	TT GDTX Quận 12
2	Trung cấp - 3N (GDNN)	Tiếng Anh	25T4-NNA1	41	
3	Trung cấp - 3N (GDNN)	Tiếng Nhật	25T4-NTN1	15	
4	Cao đẳng - 2,5N	Tiếng Anh	25C1-NNA1	45	
5	Cao đẳng - 2,5N	Tiếng Nhật	25C1-NTN1	15	
6	Cao đẳng - LT	Tiếng Hàn Quốc	25C2-NHQ1	5	
7	Cao đẳng - LT	Tiếng Anh	25C2-NNA1	43	
8	Cao đẳng - LT	Tiếng Nhật	25C2-NTN1	10	
Tổng cộng:				10.925	

1 Cao đẳng - 2.5 năm	4.059
2 Cao đẳng - Chất lượng cao	121
3 Cao đẳng - Chất lượng cao song hành Vinfast	13
4 Cao đẳng - Chất lượng cao TTTN Nhật	41
5 Cao đẳng - Liên kết quốc tế	39
6 Cao đẳng - Song hành Doanh nghiệp	35
7 Cao đẳng - Liên thông	1.977
8 Trung cấp - 1 năm 3 tháng	19
9 Trung cấp - 3 năm (GDNN)	4.364
10 Trung cấp - 3 năm (GDTX)	257

TỔNG CỘNG = 10.925

PHÒNG TTGD-CTSV

TP. HCM, ngày 01 tháng 10 năm 2025

Q. HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Văn Chiến



TS. Đinh Văn Đệ